UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BQL
(Dự thảo)

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ), Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng đã tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh quốc tế, quốc gia và của thành phố liên quan đến quan hệ xã hội

Việc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách trong dự thảo Nghị quyết được thực hiện trong bối cảnh chịu sự tác động sâu sắc của:

- Bối cảnh quốc tế: Xu hướng chuyển dịch xanh của chuỗi cung ứng toàn cầu diễn ra ngày càng nhanh. Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu (Quy định (EU) 2023/956) chính thức bước vào giai đoạn áp dụng nghĩa vụ tài chính từ ngày 01/01/2026 và dự kiến mở rộng sang khoảng 180 dòng sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo từ năm 2028. Liên minh châu Âu ban hành Chỉ thị về thẩm định chuỗi cung ứng bền vững (CSDDD); các thị trường xuất khẩu chủ lực khác của Hải Phòng (Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc) ngày càng nâng cao yêu cầu về minh bạch phát thải trong chuỗi cung ứng. Nếu không xanh hóa sản xuất và kiểm kê minh bạch KNK, hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp Hải Phòng sẽ phát sinh chi phí tuân thủ CBAM, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh.

- Bối cảnh quốc gia: Việt Nam đã đưa ra cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" (Net Zero) vào năm 2050 tại Hội nghị COP26; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã ban hành Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT hướng dẫn tiêu chí, chỉ số đánh giá KCN sinh thái, doanh nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, các chính sách ưu đãi của Trung ương hiện nay tại Điều 39 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP chủ yếu áp dụng sau khi KCN, doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận; cơ chế hỗ trợ tài chính ban đầu cho giai đoạn chuẩn bị chuyển đổi chưa được quy định cụ thể, dẫn đến số lượng KCN được cấp Giấy chứng nhận KCN sinh thái theo trình tự của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP trên cả nước còn rất hạn chế.

- Bối cảnh thành phố Hải Phòng: Đến tháng 10 năm 2026, trên địa bàn thành phố có 50 khu công nghiệp được thành lập, với tổng diện tích khoảng 13.856,32 ha, trong đó có 25 khu công nghiệp đang hoạt động. Các khu công nghiệp đang hoạt động đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, với tổng công suất thiết kế khoảng 165.000 m^3/ngày đêm, lưu lượng xả thải thực tế khoảng 78.000 m^3/ngày đêm. Tuy nhiên, tỷ lệ tái sử dụng nước thải sau xử lý còn thấp, dưới 3,5%; các hoạt động trao đổi, tái sử dụng phụ phẩm và liên kết cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp chưa được triển khai đồng bộ. Hiện thành phố có 02 khu công nghiệp đang triển khai thí điểm chuyển đổi theo mô hình khu công nghiệp sinh thái là KCN Nam Cầu Kiền và KCN Đình Vũ (DEEP C1). Thực tiễn này cho thấy sự cần thiết phải xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu và phát triển khu công nghiệp mới theo mô hình sinh thái.

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến quan hệ xã hội

Dự thảo Nghị quyết thể chế hóa kịp thời, đồng bộ các chủ trương, đường lối lớn của Đảng và chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Mục II.1; II.2; III.1; III.2; III.4; IV.1 Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Phát triển Hải Phòng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; cơ chế, chính sách đột phá; thí điểm cơ chế đặc thù; phát triển cụm liên kết ngành thay KCN đơn lẻ; ưu tiên dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường;

- Mục II.2; III.1; III.2.c; IV.2; IV.4 Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu: Hướng tới kinh tế xanh; thí điểm mô hình công nghiệp xanh; kiểm soát ô nhiễm tại khu, cụm công nghiệp; công nghệ ít chất thải, các-bon thấp; chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp;

- Mục II.3; III.1; III.2; III.3; III.6; III.8; III.9 Nghị quyết số 29-NQ/TW về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: Xây dựng khung tiêu chí, hành lang pháp lý cho KCN sinh thái; hình thành hệ thống KCN hiện đại theo hướng sinh thái; hoàn thiện mô hình KKT, KCN sinh thái ven biển; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát;

- Mục I.3; III.2; III.3; III.6 Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Thể chế đi trước một bước; loại bỏ tư duy "không quản được thì cấm"; cơ chế thí điểm, thử nghiệm công nghệ mới có giám sát, miễn trừ trách nhiệm; ưu tiên công nghệ môi trường;

- Quan điểm 2, 3; Nhiệm vụ 2, 3 Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật: Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật; hành lang pháp lý cho chuyển đổi xanh; cơ chế vượt trội cho khu thương mại tự do, khu kinh tế trọng điểm; phân cấp "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm";

- Điều 5; Điều 51; Điều 141; Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Chính sách lồng ghép kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh; hạ tầng BVMT khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; trách nhiệm UBND cấp tỉnh; ưu đãi, hỗ trợ BVMT; kinh tế tuần hoàn;

- Điều 2 (k5, 7, 8); Điều 4; Điều 9; Điều 31; Điều 36 - 40 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP: Định nghĩa KCN sinh thái, cộng sinh công nghiệp, doanh nghiệp sinh thái; UBND cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ; tiêu chí; xây dựng mới; ưu đãi; chứng nhận;

- Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hải Phòng: Thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong KCN, KKT; HĐND quyết định phạm vi miễn áp dụng pháp luật; nguồn thu tín chỉ các-bon cho kinh tế tuần hoàn.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Các thách thức trong quan hệ xã hội hiện nay

Hiện nay mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp thứ cấp đang gặp 05 điểm nghẽn chính:

Thứ nhất, thực hiện cơ chế ưu đãi đối với các khu công nghiệp sinh thái còn hạn chế (Điều 39 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP):

Điều 39 quy định các ưu đãi tài chính, đất đai, tín dụng chỉ được áp dụng kể từ thời điểm KCN, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận KCN sinh thái, doanh nghiệp sinh thái. Tuy nhiên, kết quả khảo sát 104 doanh nghiệp thứ cấp cho thấy: Để chuẩn bị hồ sơ đáp ứng các tiêu chí, chỉ số theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT, một KCN phải chi từ 300 - 500 triệu đồng và mỗi doanh nghiệp phải chi từ 100 - 150 triệu đồng để thuê tư vấn kiểm toán năng lượng, kiểm kê khí nhà kính, đánh giá hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn. Doanh nghiệp chưa nhìn thấy lợi ích trước mắt nên không sẵn sàng bỏ chi phí tự thân, dẫn đến việc chuyển đổi còn chậm.

Thứ hai, khoảng trống pháp lý và rào cản chuyển giao, cung cấp nước thải sau xử lý để tái sử dụng trong nội khu:

Việc tái sử dụng nước trong khu công nghiệp phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, môi trường và quy định pháp luật có liên quan. Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về việc cung cấp nước thải sau xử lý để tái sử dụng cho doanh nghiệp khác qua mạng lưới đường ống nội bộ KCN; cần hướng dẫn cụ thể việc chuyển giao, sử dụng nước tái sử dụng giữa các doanh nghiệp.

Thứ ba, rào cản chia sẻ điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ nội bộ KCN:

Các doanh nghiệp trong KCN có tiềm năng lắp đặt quy mô lớn điện mặt trời mái xưởng, nhưng hiện còn thiếu cơ chế hướng dẫn cụ thể việc điều tiết, chia sẻ sản lượng điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ dư thừa giữa các doanh nghiệp trong cùng KCN qua lưới điện nội bộ, dẫn đến khó khăn trong tối ưu hóa nguồn năng lượng sạch tại chỗ. Việc đề xuất thử nghiệm chỉ áp dụng đối với nội dung mà quy định về mô hình khu, cụm tại Nghị định số 58/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP) chưa điều chỉnh.

Thứ tư, rào cản phân loại và luân chuyển phụ phẩm công nghiệp:

Tiêu chí khu công nghiệp sinh thái theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT yêu cầu có liên kết cộng sinh công nghiệp (CSCN). Tuy nhiên, theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các phụ phẩm công nghiệp có giá trị cao (như xỉ hạt lò cao của các nhà máy luyện thép tại Nam Cầu Kiền, thạch cao của nhà máy hóa chất Đình Vũ) nếu chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa thì được quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chất thải nguy hại; việc chuyển giao giữa các doanh nghiệp phải tuân thủ yêu cầu về quản lý chất thải, làm tăng chi phí và thời gian thực hiện.

Thứ năm, rào cản về chỉ tiêu đất cây xanh đối với các KCN cũ:

Tiêu chí khu công nghiệp sinh thái yêu cầu tối thiểu 25% diện tích đất KCN dành cho cây xanh, giao thông, hạ tầng kỹ thuật dùng chung (trong đó tối thiểu 10% diện tích đất cây xanh). Đối với các KCN cũ thành lập trước năm 2010 tại Hải Phòng (như Nomura, Đồ Sơn, Đình Vũ - DEEP C 1; trong đó KCN Đình Vũ - DEEP C 1 có tỷ lệ đất cây xanh chỉ đạt 5,61%, tương ứng khoảng 30,4 ha), quỹ đất công nghiệp đã cho thuê lấp đầy 100%, không còn dư địa đất đai để mở rộng cây xanh trong ranh giới KCN. Nội dung này thuộc quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng, không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn đối với KCN hiện hữu, đồng thời khuyến khích các giải pháp cây xanh trên mái, tường xanh, hành lang xanh.

2. Lý do cần có quy định của Hội đồng nhân dân thành phố để điều chỉnh quan hệ xã hội

Một là, hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái: Hỗ trợ kinh phí cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi, xác định mức độ đáp ứng các tiêu chí khu công nghiệp sinh thái, xây dựng đường cơ sở và kế hoạch hành động chuyển đổi; kiểm toán năng lượng, kiểm toán nước; đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên, áp dụng sản xuất sạch hơn, kiểm kê khí nhà kính và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái. Đối với doanh nghiệp thứ cấp, hỗ trợ các hoạt động đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, nước; áp dụng sản xuất sạch hơn, kiểm kê khí nhà kính và chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái. Việc hỗ trợ không bao gồm các nội dung thuộc nghĩa vụ bắt buộc theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ, mức hỗ trợ tối đa và số lần hỗ trợ thực hiện theo phương án kinh phí được cấp có thẩm quyền quyết định..

Hai là, hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật dùng chung phục vụ cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn: Hỗ trợ lãi suất 2,0%/năm tính trên dư nợ vay thực tế đối với các khoản vay trung và dài hạn bằng đồng Việt Nam tại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hải Phòng để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật dùng chung, bao gồm công trình xử lý, tái sử dụng nước thải sau xử lý; hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS); hệ thống đường ống kỹ thuật dùng chung và trạm trung chuyển phụ phẩm công nghiệp phục vụ tái sử dụng, tái chế. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng tín dụng. Tổng kinh phí ngân sách dự kiến thực hiện chính sách này trong giai đoạn 2027–2030 là 4,0 tỷ đồng theo Phụ lục 3 Đề án.

Ba là, bảo đảm nguồn lực thực hiện các cơ chế, chính sách và nhiệm vụ chuyển đổi, xây dựng khu công nghiệp sinh thái: Theo dự toán chi tiết tại Phụ lục 3 Đề án, tổng kinh phí dự kiến thực hiện giai đoạn 2026–2030 là 127,55 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước 103,60 tỷ đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác 23,95 tỷ đồng. Kinh phí ngân sách nhà nước được dự kiến phân bổ cho các nhóm nhiệm vụ gồm: hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá và công nghệ 80,0 tỷ đồng; hỗ trợ lãi suất đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật dùng chung 4,0 tỷ đồng; thúc đẩy kết nối, hợp tác và cộng sinh công nghiệp 2,0 tỷ đồng; các nhiệm vụ về phối hợp thủ tục đầu tư, hành chính và hải quan, hạ tầng và dữ liệu dùng chung, nghiên cứu cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, đào tạo và nâng cao năng lực quản lý, vận hành khu công nghiệp sinh thái 17,6 tỷ đồng. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, Đề án khuyến khích huy động nguồn vốn của doanh nghiệp, tín dụng, viện trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc bố trí kinh phí được thực hiện theo phân

cấp quản lý ngân sách, tính chất từng nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

Bốn là, nghiên cứu, đề xuất áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình trao đổi, cung cấp nước công nghiệp sau xử lý để tái sử dụng; chia sẻ, giao dịch năng lượng từ nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ trong nội bộ khu công nghiệp và trao đổi, tái sử dụng phụ phẩm công nghiệp. Việc xem xét, triển khai thử nghiệm phải đáp ứng yêu cầu về pháp lý, kỹ thuật, an toàn, bảo vệ môi trường và kiểm soát rủi ro theo khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thử nghiệm theo thẩm quyền; Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Năm là, bảo vệ năng lực xuất khẩu và thu hút FDI xanh: Giúp các doanh nghiệp Hải Phòng chuẩn bị đáp ứng yêu cầu của CBAM, góp phần nâng cao các chỉ số PCI, PGI và năng lực thu hút đầu tư xanh của thành phố.

3. Thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 15, Điều 18 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội (đối với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát), Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng có thẩm quyền ban hành Nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ từ ngân sách thành phố. Các nội dung thuộc thẩm quyền của Trung ương (thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, chỉ tiêu quy hoạch xây dựng) không đưa vào dự thảo Nghị quyết.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét ban hành "Nghị quyết ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng" nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương./.

Nơi nhận:
- VP UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- TB, PTB Dương Văn Xuyên;
- Lưu: VT, TNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Dương Văn Xuyên

PHỤ LỤC

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách trong dự thảo Nghị quyết

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQL ngày tháng năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

STT	Chủ trương, văn bản và nội dung liên quan	Kết quả rà soát, vận dụng
I	**Chủ trương, đường lối của Đảng**	
1	Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Mục III.2 định hướng phát triển công nghiệp hiện đại, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi chính sách chuyển đổi KCN sinh thái và khoản 3 Điều 4 về hỗ trợ liên kết, cộng sinh công nghiệp.
2	Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	Nội dung về nâng cao chất lượng đầu tư nước ngoài, hình thành liên kết ngành và phát triển công nghiệp xanh. Vận dụng tại Điều 1 về định hướng chuyển đổi KCN và điểm b khoản 3 Điều 4 về kết nối, hợp tác giữa doanh nghiệp.
3	Kết luận số 96-KL/TW ngày 30/9/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW.	Kết luận về tiếp tục thực hiện các định hướng phát triển bền vững thành phố theo Nghị quyết số 45-NQ/TW. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi chính sách và Điều 6 về tổ chức triển khai thực hiện.
4	Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.	Nội dung về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và ứng phó biến đổi khí hậu. Vận dụng tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ đánh giá hiệu quả tài nguyên, kiểm kê khí nhà kính và sản xuất sạch hơn.
5	Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam.	Nội dung về đổi mới mô hình phát triển, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực và phối hợp thực hiện. Vận dụng tại khoản 3 Điều 4 về thúc đẩy hợp tác, cộng sinh công nghiệp và Điều 6 về tổ chức thực hiện.
II	**Căn cứ pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**	
6	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.	Điều 51 quy định bảo vệ môi trường tại khu sản xuất tập trung; Điều 142 về kinh tế tuần hoàn. Vận dụng tại điểm c khoản 1 Điều 3 về loại trừ nghĩa vụ bắt buộc khỏi hỗ trợ và khoản 3 Điều 4 về cộng sinh công nghiệp.
7	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý môi trường tại cơ sở sản xuất, KCN.

STT	Chủ trương, văn bản và nội dung liên quan	Kết quả rà soát, vận dụng
		Vận dụng tại điểm c khoản 2 Điều 3 về điều kiện chấp hành pháp luật môi trường và điểm a khoản 4 Điều 4 về yêu cầu đối với hoạt động thử nghiệm.
8	Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025.	Điều 31 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân về ngân sách. Vận dụng tại điểm d khoản 1 Điều 3 về hỗ trợ trong phạm vi dự toán và khoản 1, 2 Điều 5 về nguồn kinh phí, phân bổ và quyết toán.
9	Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.	Các quy định sửa đổi về quy hoạch, đầu tư và đấu thầu. Vận dụng tại khoản 2 Điều 5 về quản lý vốn đối với nhiệm vụ có tính chất đầu tư và khoản 1 Điều 6 về phối hợp thực hiện thủ tục đầu tư.
10	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.	Các quy định về chấp thuận chủ trương đầu tư và thực hiện dự án đầu tư. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 3 về điều kiện đối với chủ đầu tư hạ tầng KCN và khoản 1 Điều 6 về phối hợp thủ tục đầu tư.
11	Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của tám luật, trong đó có Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu và Luật Hải quan.	Các nội dung sửa đổi pháp luật về đầu tư, đấu thầu và hải quan. Vận dụng tại khoản 2 Điều 5 về quản lý kinh phí, vốn đầu tư và khoản 1 Điều 6 về phối hợp thủ tục đầu tư, hành chính và hải quan.
12	Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.	Các quy định về quy hoạch, quản lý và sử dụng đất tại KCN. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 3 về điều kiện của chủ đầu tư hạ tầng và điểm a khoản 2 Điều 4 về đầu tư hạ tầng kỹ thuật dùng chung.
13	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Quy định chi tiết thủ tục và quản lý sử dụng đất theo Luật Đất đai. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 3 về điều kiện KCN được chấp thuận đầu tư và khoản 1 Điều 6 về phối hợp thực hiện thủ tục liên quan.
14	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.	Quy định về hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý công trình hạ tầng. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 4 về hỗ trợ lãi suất đầu tư hạ tầng dùng chung và khoản 1 Điều 6 về phối hợp thủ tục đầu tư xây dựng.

STT	Chủ trương, văn bản và nội dung liên quan	Kết quả rà soát, vận dụng
15	Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.	Các quy định sửa đổi về quản lý dự án, thẩm định và triển khai xây dựng công trình. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 4 về hạng mục hạ tầng kỹ thuật được hỗ trợ lãi suất và khoản 1 Điều 6 về tổ chức thực hiện.
16	Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024.	Quy định về hoạt động điện lực, nguồn điện và vận hành hệ thống điện. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 4 về hạ tầng lưu trữ năng lượng và điểm a khoản 4 Điều 4 về nghiên cứu thử nghiệm mô hình chia sẻ năng lượng.
17	Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.	Khoản 5 Điều 7 quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và thẩm quyền quyết định. Vận dụng tại khoản 4 Điều 4 về nghiên cứu thử nghiệm nước tái sử dụng, năng lượng, phụ phẩm và xem xét miễn áp dụng quy định cho từng dự án.
18	Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.	Khoản 1 Điều 36 về hỗ trợ phát triển KCN sinh thái; Điều 37 về tiêu chí KCN sinh thái. Vận dụng tại điểm đ khoản 1 Điều 3 về tiêu chí đánh giá và khoản 1, khoản 3 Điều 4 về hỗ trợ kỹ thuật và cộng sinh công nghiệp.
19	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Các quy định về giấy phép môi trường, quản lý nước thải và chất thải công nghiệp. Vận dụng tại điểm c khoản 2 Điều 3 về điều kiện môi trường và điểm a khoản 4 Điều 4 về thử nghiệm trao đổi, tái sử dụng nước và phụ phẩm.
20	Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	Các nội dung sửa đổi quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Vận dụng tại điểm c khoản 2 Điều 3 về chấp hành pháp luật môi trường và điểm a khoản 4 Điều 4 về điều kiện pháp lý, kỹ thuật của mô hình thử nghiệm.
21	Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050.	Chiến lược định hướng giảm phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và xanh hóa sản xuất. Vận dụng tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ đánh giá, sản xuất sạch hơn và điểm a khoản 5 Điều 4 về đào tạo năng lực.
22	Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi	Quy định tiêu chí môi trường để xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

STT	Chủ trương, văn bản và nội dung liên quan	Kết quả rà soát, vận dụng
	trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.	Vận dụng tại điểm a khoản 5 Điều 4 về đào tạo, nâng cao năng lực đánh giá dự án xanh cho các tổ chức, doanh nghiệp.
23	Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn 2050.	Nội dung quy hoạch xác định định hướng bố trí không gian công nghiệp và mạng lưới KCN của thành phố. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi hỗ trợ chuyển đổi các KCN trên địa bàn và khoản 1 Điều 6 về phối hợp triển khai.
24	Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2050, tầm nhìn 2075.	Nhiệm vụ quy hoạch chung định hướng nghiên cứu tổ chức không gian công nghiệp và kết cấu hạ tầng đến năm 2050. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi áp dụng tại Hải Phòng và khoản 1 Điều 6 về phối hợp thực hiện.
25	Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung ESG.	Quy định về nhận diện dự án xanh, dự án tuần hoàn và khung môi trường, xã hội, quản trị. Vận dụng tại điểm a khoản 5 Điều 4 về đào tạo đánh giá dự án xanh và báo cáo phát triển bền vững.
26	Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.	Các quy định, tiêu chí và chỉ số đánh giá KCN sinh thái, doanh nghiệp sinh thái. Vận dụng tại điểm đ khoản 1 Điều 3 về tiêu chí xác định và điểm a, b khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ đánh giá, lập hồ sơ chứng nhận.
27	Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành QCVN 40:2025/BTNMT về nước thải công nghiệp.	QCVN 40:2025/BTNMT quy định yêu cầu chất lượng nước thải công nghiệp khi xả ra nguồn tiếp nhận. Vận dụng tại điểm a khoản 2 Điều 4 về công trình xử lý nước thải và điểm a khoản 4 Điều 4 về nghiên cứu mô hình tái sử dụng nước.
III	**Văn bản của thành phố và các văn bản có liên quan**	
28	Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 29/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng khóa I về chuyển đổi xanh thành phố Hải Phòng đến năm 2050.	Định hướng chuyển đổi xanh, phát triển công nghiệp sinh thái của thành phố. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi chính sách và khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ đánh giá, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.
29	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050.	Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh xác định nhiệm vụ phát triển sản xuất xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên. Vận dụng tại khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ kỹ thuật và điểm a khoản 5 Điều 4 về đào tạo, nâng cao năng lực.

STT	Chủ trương, văn bản và nội dung liên quan	Kết quả rà soát, vận dụng
30	Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn 2050 (được liệt kê lần thứ hai).	Quy hoạch thành phố xác định không gian phát triển công nghiệp và hệ thống KCN. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi hỗ trợ đối với các KCN trên địa bàn và khoản 1 Điều 6 về phối hợp triển khai.
31	Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt chủ trương và kinh phí lập Đề án cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây dựng các KCN sinh thái.	Quyết định phê duyệt chủ trương và kinh phí lập Đề án về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi KCN sinh thái. Vận dụng làm cơ sở xác định phạm vi chính sách tại Điều 1 và tổ chức thực hiện tại Điều 6.
32	Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 16/4/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU.	Các nhiệm vụ triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU về chuyển đổi xanh tại thành phố. Vận dụng tại khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ kỹ thuật, khoản 3 Điều 4 về cộng sinh công nghiệp và Điều 6 về tổ chức thực hiện.
33	Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 06/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng.	Chương trình hành động về thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Vận dụng tại Điều 1 về phạm vi chính sách và Điều 6 về phối hợp triển khai.
34	Kế hoạch số 89-KH/ĐU ngày 20/3/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường về thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU.	Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 17-CTr/TU tại địa phương. Vận dụng liên hệ với khoản 1 Điều 6 về phối hợp tổ chức thực hiện chính sách trên địa bàn.
35	Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 31/8/2026 của Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW.	Chương trình hành động về tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Vận dụng tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 về hỗ trợ kỹ thuật, sản xuất sạch hơn và điểm a khoản 5 Điều 4 về đào tạo.